

(Ban hành kèm theo Thông tư số 57/2004/TT-BTC ngày 17/06/2004 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về việc công bố thông tin trên thị trường chứng khoán)

CÔNG TY CỔ PHẦN CÁP VÀ VẬT LIỆU VIỄN THÔNG
KCN BIÊN HÒA I - ĐỒNG NAI

BÁO CÁO TÀI CHÍNH TÓM TẮT
(QUÝ 1 - 2009)

I. BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Đơn vị tính: đồng

STT	Nội dung	MãSố	Số dư đầu năm	Số dư cuối kỳ
I	TÀI SẢN NGẮN HẠN	100	1,164,271,085,307	1,159,419,306,616
1	TIỀN VÀ CÁC KHOẢN TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN	110	666,476,933,005	681,581,891,915
2	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH NGẮN HẠN	120	19,988,502,152	19,488,502,152
3	CÁC KHOẢN PHẢI THU	130	165,532,489,223	135,636,806,873
4	HÀNG TỒN KHO	140	300,666,897,061	311,211,985,647
5	TÀI SẢN NGẮN HẠN KHÁC	150	11,606,263,866	11,500,120,029
II	TÀI SẢN DÀI HẠN	200	1,114,874,562,934	1,105,170,512,279
1	CÁC KHOẢN PHẢI THU DÀI HẠN			
2	TÀI SẢN CỐ ĐỊNH	210	188,729,517,465	184,264,382,205
	- Nguyên giá TSCĐ hữu hình	212	347,210,250,391	346,156,637,863
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ hữu hình	213	(233,964,647,872)	(237,717,440,566)
	- Nguyên giá TSCĐ vô hình	218	14,416,740,178	14,416,740,178
	- Giá trị hao mòn lũy kế TSCĐ vô hình	219	(1,790,455,321)	(1,931,099,812)
	- Chi phí xây dựng cơ bản dở dang		62,857,630,089	63,339,544,542
3	BẤT ĐỘNG SẢN ĐẦU TƯ		10,020,276,000	10,020,276,000
	- Nguyên giá		11,133,640,000	11,133,640,000
	- Giá trị hao mòn lũy kế		(1,113,364,000)	(1,113,364,000)
4	CÁC KHOẢN ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH DÀI HẠN	220	803,140,862,332	797,399,122,332
5	TÀI SẢN DÀI HẠN KHÁC	241	112,983,907,137	113,486,731,742
III	TỔNG TÀI SẢN	250	2,279,145,648,241	2,264,589,818,895
IV	NỢ PHẢI TRẢ	300	70,476,975,213	42,675,351,849
1	NỢ NGẮN HẠN	310	70,120,198,697	42,431,117,326

2	NỢ DÀI HẠN	320	356,776,516	244,234,523
V	NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	<i>2,208,668,673,028</i>	<i>2,221,914,467,046</i>
1	VỐN CHỦ SỞ HỮU	410	<i>2,208,282,494,233</i>	<i>2,221,530,056,250</i>
	- Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	654,000,000,000	654,000,000,000
	- Thặng dư vốn cổ phần	418	1,563,030,722,378	1,563,030,722,378
	- Cổ phiếu quỹ	412	(57,562,018,435)	(57,562,018,435)
	- Các quỹ	413	124,711,858,833	124,711,858,833
	- Lợi nhuận chưa phân phối	416	(75,898,068,543)	(62,650,506,526)
2	NGUỒN KINH PHÍ, QUỸ KHÁC	420	<i>386,178,795</i>	<i>384,410,796</i>
VI	TỔNG NGUỒN VỐN	430	<i>2,279,145,648,241</i>	<i>2,264,589,818,895</i>

Ngày 21 tháng 04 năm 2009

Tổng giám đốc

II. KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH
(QUÝ 1 - 2009)

Đơn vị tính: đồng

STT	CHỈ TIÊU	Quý I	Lũy kế
1	Doanh thu bán hàng và dịch vụ	28,842,449,499	28,842,449,499
2	Các khoản giảm trừ		-
3	Doanh thu thuần về bán hàng và dịch vụ	28,842,449,499	28,842,449,499
4	Giá vốn hàng bán	29,531,195,270	29,531,195,270
5	Lợi nhuận gộp về bán hàng và dịch vụ	-688,745,771	(688,745,771)
6	Doanh thu hoạt động tài chính	23,165,905,677	23,165,905,677
7	Chi phí tài chính	5,961,905,601	5,961,905,601
8	Chi phí bán hàng	1,782,831,761	1,782,831,761
9	Chi phí quản lý doanh nghiệp	2,170,248,621	2,170,248,621
10	Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh	12,562,173,923	12,562,173,923
11	Thu nhập khác	1,160,209,760	1,160,209,760
12	Chi phí khác	474,821,666	474,821,666
13	Lợi nhuận khác	685,388,094	685,388,094
14	Lợi nhuận trước thuế	13,247,562,017	13,247,562,017
15	Thuế thu nhập phải nộp		-
16	Lợi nhuận sau thuế	13,247,562,017	13,247,562,017
17	Thu nhập trên mỗi cổ phần	209	209
18	Cổ tức trên mỗi cổ phần		

Ngày 21 Tháng 04 Năm 2009
Tổng giám đốc